

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2023
V/v xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Phạm Thị Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, về việc "Xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; ĐKKHKT: Thôn 2, xã TC, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn 8, xã HB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Đức H1; nơi cư trú: Thôn 6, xã LH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Vũ Văn T; địa chỉ: Thôn 2, xã TC, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, chị Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2000, chị và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống chị và anh Vũ Văn T xảy ra mâu thuẫn nên chị và anh Vũ Văn T sống ly thân, mỗi người một nơi từ năm 2004. Chị và anh Vũ Văn T đã làm thủ tục ly hôn đang được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết, trong đơn khởi kiện và các tài liệu chị H gửi kèm theo đơn khởi kiện thể hiện chị H và anh T chỉ có 01 con chung là cháu Vũ Minh P, sinh ngày 30-6-2001, ngoài ra chị và anh Vũ Văn T không có con chung nào khác. Trong thời gian sống ly thân với anh Vũ Văn T, chị có quen biết và chung sống như vợ chồng với anh Phạm Đức H1. Quá trình chung sống, chị và anh Phạm Đức H1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 09-7-2015 và Vũ Thảo V, sinh ngày 27-11-2020. Cháu Nguyễn Thị Anh T1 đã có Giấy khai sinh số 165-2015, quyển số 02 tại Ủy ban nhân dân xã TC; cháu Vũ Thảo V có Giấy khai sinh số 24/2021 tại Ủy ban nhân dân xã TC. Khi chị làm giấy khai sinh cho cháu Nguyễn Thị Anh T1 và Vũ Thảo V, anh Vũ Văn T không có ý kiến gì. Chị đã làm thủ tục xét nghiệm AND cho cháu Nguyễn Thị Anh T1, cháu Vũ Thảo V tại Công ty Cổ phần Gen ứng dụng Việt Nam, kết quả anh Phạm Đức H1 có quan hệ huyết thống cha – con với cháu Nguyễn Thị Anh T1, cháu Vũ Thảo V với độ tin cậy 99,999999%. Nay để làm thủ tục khai sinh cho con theo họ cha, chị đề nghị Tòa án xác định anh Phạm Đức H1 là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 09-7-2015 và cháu Vũ Thảo V, sinh ngày 27-11-2020.

Bị đơn anh Phạm Đức H1 trình bày: Anh xác nhận quá trình chung sống như chị H trình bày ở trên là đúng sự thật. Anh và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 tại thôn 6, xã LH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống đến nay, anh và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 09-7-2015 và Vũ Thảo V, sinh ngày 27-11-2020, cháu Nguyễn Thị Anh T1 có Giấy khai sinh họ mẹ còn cháu Vũ Thảo V có giấy khai sinh nhưng ghi tên cha là Vũ Văn T. Chị Nguyễn Thị H đã làm thủ tục xét nghiệm AND cho cháu Nguyễn Thị Anh T1, cháu Vũ Thảo V tại Công ty Cổ phần Gen ứng dụng Việt Nam, kết quả anh Phạm Đức H1 có quan hệ huyết thống cha – con với cháu Nguyễn Thị Anh T1, cháu Vũ Thảo V với độ tin cậy 99,999999%. Nay để đảm bảo quyền lợi cho cháu Nguyễn Thị Anh T1 và Vũ Thảo V, anh đồng ý với yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, đề nghị Tòa án xác nhận anh là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Anh T1, cháu Vũ Thảo V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn T có ý kiến trình bày: Thông nhất với việc trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, đề nghị Tòa án chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện về việc xác định cha cho con, anh Phạm Đức H1 là bị đơn trong vụ án, anh Vũ Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Tuyên anh Phạm Đức H1 là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 09-7-2015 có Giấy khai sinh số 165-2015, quyển số 02 tại Ủy ban nhân dân xã TC và cháu Vũ Thảo V, sinh ngày 27-11-2020 có Giấy khai sinh số 24/2021 tại Ủy ban nhân dân xã TC; về án phí: Bị đơn anh Phạm Đức H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị H được trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc xác định cha cho con, theo quy định tại khoản 4 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Phạm Đức H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn T: Chị H, anh H1, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, có đơn ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh H1, anh T.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H:

Chị và anh Vũ Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2000. Quá trình chung sống chị và anh Vũ Văn T xảy ra mâu thuẫn nên chị và anh Vũ Văn T sống ly thân, mỗi người một nơi từ năm 2004. Chị và anh Vũ Văn T đang làm thủ tục ly hôn, được Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo,

thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết, trong đơn khởi kiện và các tài liệu chị H gửi kèm theo đơn khởi kiện thể hiện chị H và anh T chỉ có 01 con chung là cháu Vũ Minh P, sinh ngày 30-6-2001, ngoài ra chị và anh Vũ Văn T không có con chung nào khác. Trong thời gian sống ly thân với anh Vũ Văn T, chị có quen biết và chung sống như vợ chồng với anh Phạm Đức H1. Quá trình chung sống, chị và anh Phạm Đức H1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 09-7-2015 và Vũ Thảo V, sinh ngày 27-11-2020. Cháu Nguyễn Thị Anh T1 đã có Giấy khai sinh số 165-2015, quyền số 02 tại Ủy ban nhân dân xã TC; cháu Vũ Thảo V có Giấy khai sinh số 24/2021 tại Ủy ban nhân dân xã TC. Khi chị làm giấy khai sinh cho cháu Nguyễn Thị Anh T1 và Vũ Thảo V, anh Vũ Văn T không có ý kiến gì. Chị đã làm thủ tục xét nghiệm AND cho cháu Nguyễn Thị Anh T1, cháu Vũ Thảo V tại Công ty Cổ phần Gen ứng dụng Việt Nam, kết quả anh Phạm Đức H1 có quan hệ huyết thống cha – con với cháu Nguyễn Thị Anh T1, cháu Vũ Thảo V với độ tin cậy 99,999999%. Nên việc chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xác định anh Phạm Đức H1 là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Anh T1 và cháu Vũ Thảo V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu xác định cha cho con của chị Nguyễn Thị H được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn anh Phạm Đức H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chị H được trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại Căn cứ vào Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 39 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào quy định khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Anh Phạm Đức H1 là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 09-7-2015 có Giấy khai sinh số 165-2015, quyền số 02 tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và cháu Vũ Thảo V, sinh ngày 27-11-2020, có Giấy khai sinh số 24/2021 tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

2- Về án phí: Anh Phạm Đức H1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị H được trả lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006672 ngày 26 tháng 7 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo.

3- Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị H, anh Phạm Đức H1, anh Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4- Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã TC;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt